TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/02/2023
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trung.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thanh Vũ;
2. Ông Hồ Văn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 214/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Lê Văn M, sinh năm: 1974;
Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.
2. Bị đơn: chị Nguyễn Thị Bạch M1, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: ấp K, xã T1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Anh M có yêu cầu giải quyết vắng mặt; chị M1 vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 8 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Văn M trình bày:

Anh Lê Văn M và chị Nguyễn Thị Bạch M1 sau một thời gian tìm hiểu chung sống với nhau từ năm 2006 đến năm 2008 đăng ký kết hôn. Hôn nhân của anh chị tự nguyện. Anh M, chị M1 đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Sau khi cưới, vợ chồng anh sống hạnh phúc được 15 năm, khoảng năm 2021 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do

chị M1 không tin tưởng nên ghen tuông; kiếm chuyện cự cãi cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, ngột ngạt. Khi xảy ra mâu thuẫn, gia đình hai bên có biết anh chị bất hòa nhưng không tổ chức hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh M, chị M1 đã tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Chị M1 nhiều lần đến chỗ anh M sống để gây mất trật tự. Vợ chồng anh ly thân khoảng 04 năm nay. Trong thời gian ly thân, thời gian đầu anh M vẫn còn quan tâm đến chị M1 nhưng chị M1 cứ kiếm chuyện, làm quá nên tình cảm phai nhạt đến nay không còn quan tâm nữa, mạnh ai người nấy sống, không ai biết đến ai. Nay, anh M xác định không còn tình cảm với chị nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị M1.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là Lê Nguyễn Hạnh P, sinh ngày 13/6/2010 và Nguyễn Trường T2, sinh ngày 09/8/2007. Hiện 02 con chung đang sống với chị M1. Khi ly hôn, anh đồng ý cho chị M1 tiếp tục nuôi 02 con; anh M cấp dưỡng nuôi con cho chị M1 mỗi tháng 6.000.000 đồng/02 con. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu tính từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh M không yêu cầu chị M1 cấp dưỡng cho anh sau khi ly hôn.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Bạch M1 trình bày:

Những thông tin về hôn nhân của anh chị, anh M trình bày trên đây là đúng. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do năm 2020 chị M1 bị tai nạn, gia đình anh chị em chị cưu mang vợ chồng chị. Sau đó, anh M muốn ra ngoài làm ăn nên mới lấy tài sản của vợ chồng và gia đình bên chị để làm ăn. Anh M lấy tài sản đi một thời gian đến nay về nộp đơn xin ly hôn hoàn toàn không phải nguyên nhân như anh M trình bày. Từ đó đến nay vợ chồng chị không có mâu thuẫn gì. Từ ngày anh M ra ngoài làm ăn từ năm 2019 đến nay không về nhà. Vợ chồng chị không có ly thân. Gia đình hai bên không biết anh chị đang xin ly hôn. Nay, anh M xin ly hôn chị không đồng ý vì tương lai 02 con và vẫn còn tình cảm với anh M.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là Lê Nguyễn Hạnh P, sinh ngày 13/6/2010 và Nguyễn Trường T2, sinh ngày 09/8/2007. Hiện 02 con chung đang sống với chị M1. Nếu ly hôn, chị đồng ý tiếp tục nuôi 02 con chung; anh M cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi tháng 6.000.000 đồng/02 con. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu tính từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi, chị đồng ý.

Tài sản chung: tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị M1 không yêu cầu anh M cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đề nghị:

Về thủ tục thụ lý cũng như quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định và tại phiên toà Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đã đảm bảo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Văn M với chị Nguyễn Thị Bạch M1;

Về nuôi con chung: chị Nguyễn Thị Bạch M1 được tiếp tục nuôi 02 (hai) con chung là Lê Nguyễn Hạnh P, sinh ngày 13/6/2010 và Nguyễn Trường T2, sinh ngày 09/8/2007.

Anh Lê Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi tháng 3.000.000 đồng/cháu đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản chung: tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 09/8/2022, anh Lê Văn M khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bạch M1. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về việc "Ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Đối với yêu cầu ly hôn của anh M:*

Anh M và chị M1 tự nguyện kết hôn vào năm 2008 và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T1, anh chị được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/02/2008. Chứng cứ này là có cơ sở nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng anh M sống hạnh phúc đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh M, do chị M1 không tin tưởng nên ghen tuông; kiếm chuyện cự cãi làm cho cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, ngột ngạt. Còn theo chị M1, năm 2020, chị M1 bị tai nạn, gia đình anh chị em chị cưu mang vợ chồng chị một thời gian. Sau đó, anh M ra ngoài làm ăn nên mới lấy tài sản của vợ chồng và gia đình bên chị để làm ăn. Anh M lấy tài sản đi một thời gian đến nay về nộp đơn xin ly hôn, từ trước đến nay vợ chồng chị không có mâu thuẫn gì. Vợ chồng anh M ly thân khoảng 04 năm nay. Trong thời gian ly thân, thời gian đầu anh M vẫn còn quan tâm đến chị M1 nhưng sau đó tình cảm

phai nhạt đến nay không còn quan tâm nữa, cả hai sống mỗi người một nơi, mạnh ai người nấy sống, không ai biết đến ai. Anh M xác định không còn tình cảm với chị M1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị. Đối với yêu cầu xin ly hôn của anh M, chị M1 cho rằng vẫn còn tình cảm với anh M và vì hai con nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến nay chị M1, anh M xác định tình trạng của vợ chồng anh chị không có cải thiện, ngày càng mâu thuẫn, bất hòa hơn nữa, nguyên nhân mâu thuẫn chưa được tháo gỡ, vợ chồng vẫn còn ly thân và đến nay, anh M còn giữ yêu cầu xin ly hôn với chị M1. Điều này có cơ sở khẳng định, anh M không còn tha thiết và không mong muốn duy trì quan hệ hôn nhân với chị M1 nữa. Tình trạng của vợ chồng anh M, chị M1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của anh Một là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về nuôi con chung: anh M, chị M1 có 02 con chung là Lê Nguyễn Hạnh P, sinh ngày 13/6/2010 và Nguyễn Trường T2, sinh ngày 09/8/2007. Hiện 02 con chung đang sống với chị M1. Khi ly hôn, anh M đồng ý cho chị M1 tiếp tục nuôi 02 con chung; anh M cấp dưỡng nuôi con cho chị M1 mỗi tháng 6.000.000 đồng/02 con. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu tính từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Chị M1 đồng ý nên ghi nhận. Tuy nhiên, vì lợi ích của con chung sau này, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về chia tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: chị M1, anh M đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh M, chị M1 không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: anh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng. Tổng cộng số tiền án phí anh M phải chịu là 600.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn M xin ly hôn đối với chị Nguyễn Thị Bạch M1;

* Về hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Lê Văn M với chị Nguyễn Thị Bạch M1.

* Về nuôi con chung: ghi nhận anh Lê Văn M đồng ý cho chị Nguyễn Thị Bạch M1 được tiếp tục nuôi 02 (hai) con chung là Lê Nguyễn Hạnh P, sinh ngày 13/6/2010 và Nguyễn Trường T2, sinh ngày 09/8/2007.

Ghi nhận anh Lê Văn M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị Bạch M1 mỗi tháng 6.000.000 đồng/02 con (Sáu triệu đồng/hai con). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu tính từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi 02 (hai) con chung đủ 18 tuổi.

Anh Lê Văn M được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

* Về chia tài sản chung: tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Văn M với chị Nguyễn Thị Bạch M1 không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

2. Về án phí: anh Lê Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng. Tổng cộng số tiền án phí anh M phải chịu là 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai số 0007769 ngày 03/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Anh M còn phải nộp án phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- UBND xã T1;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Thị Minh Trung